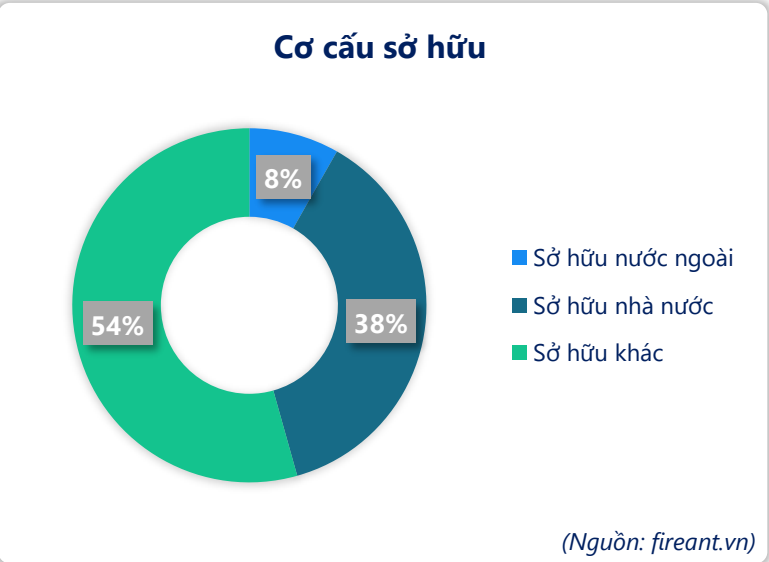
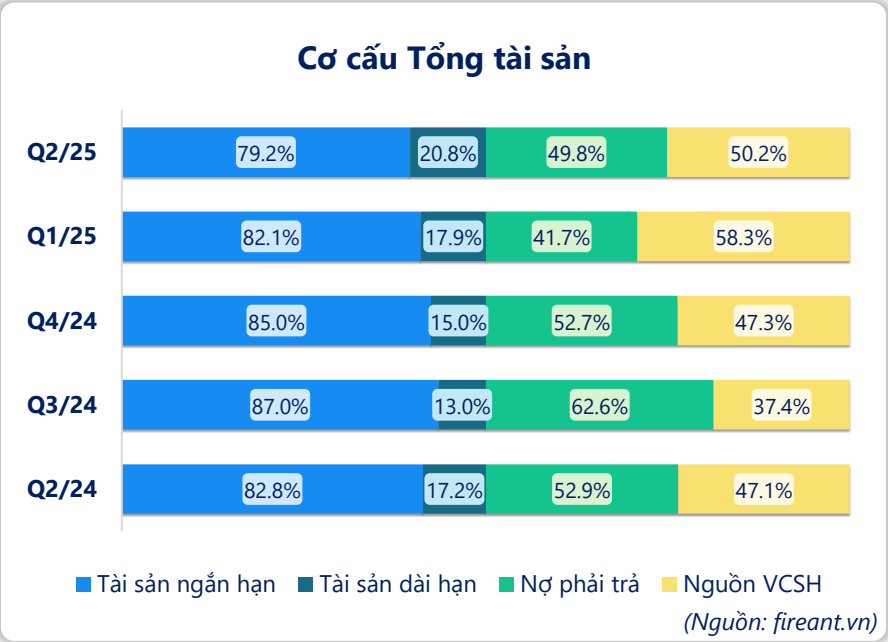
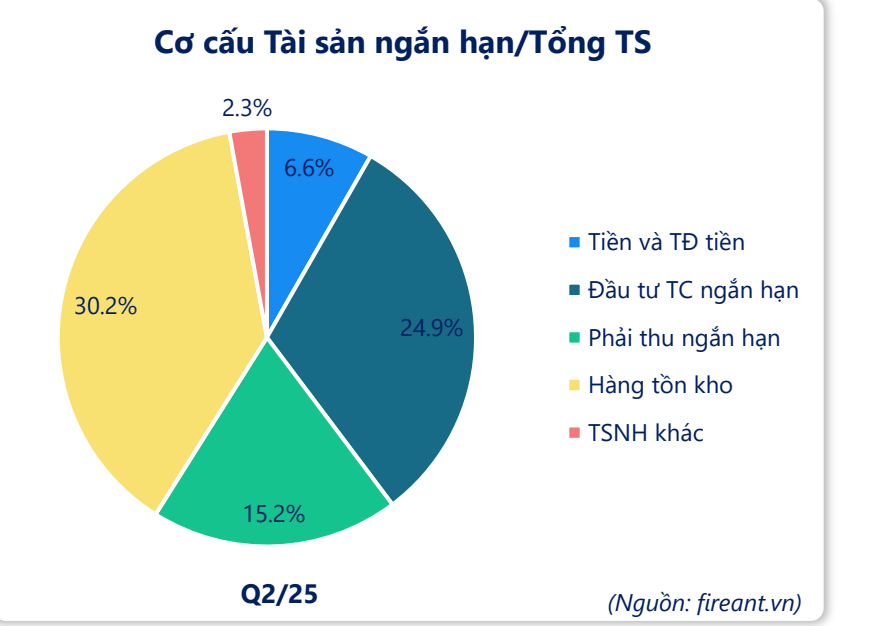
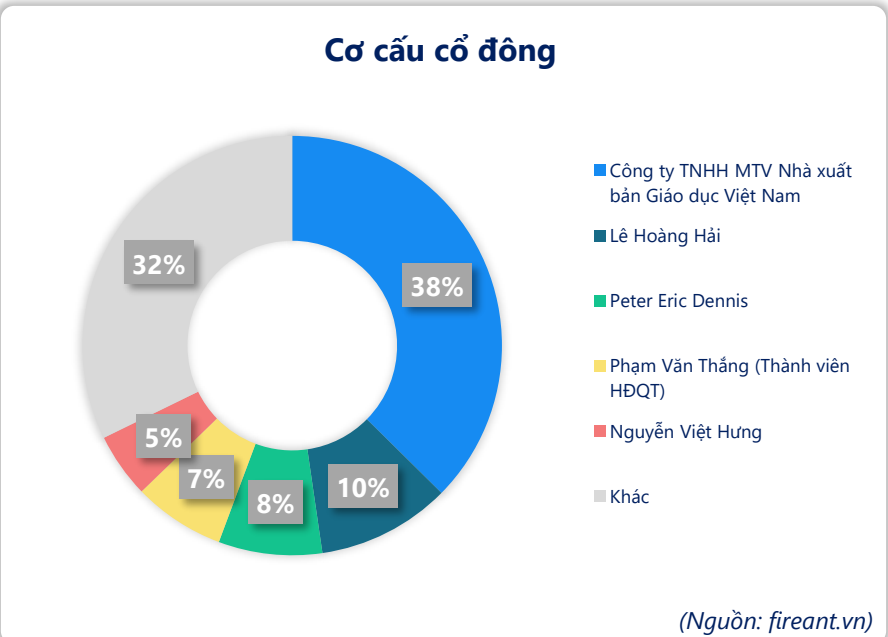
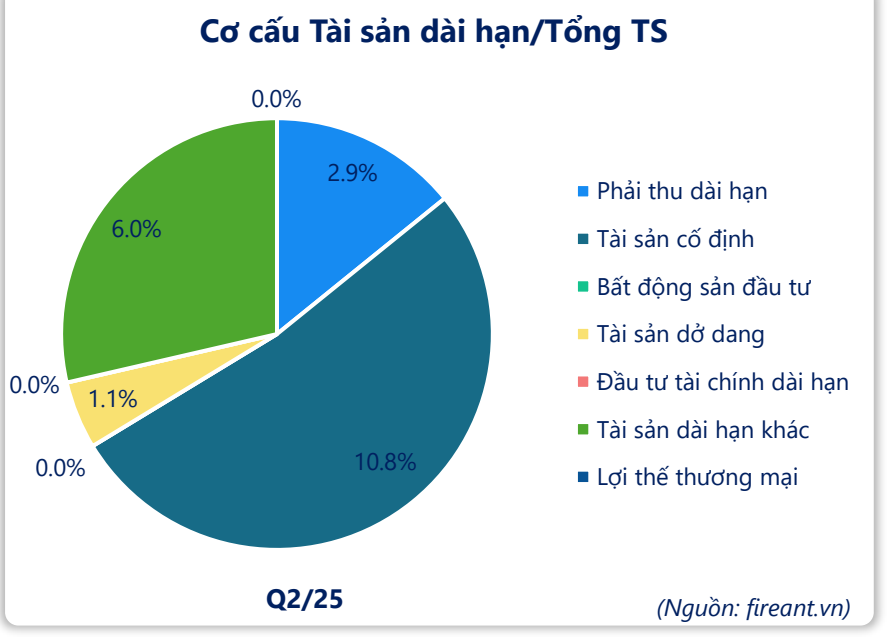
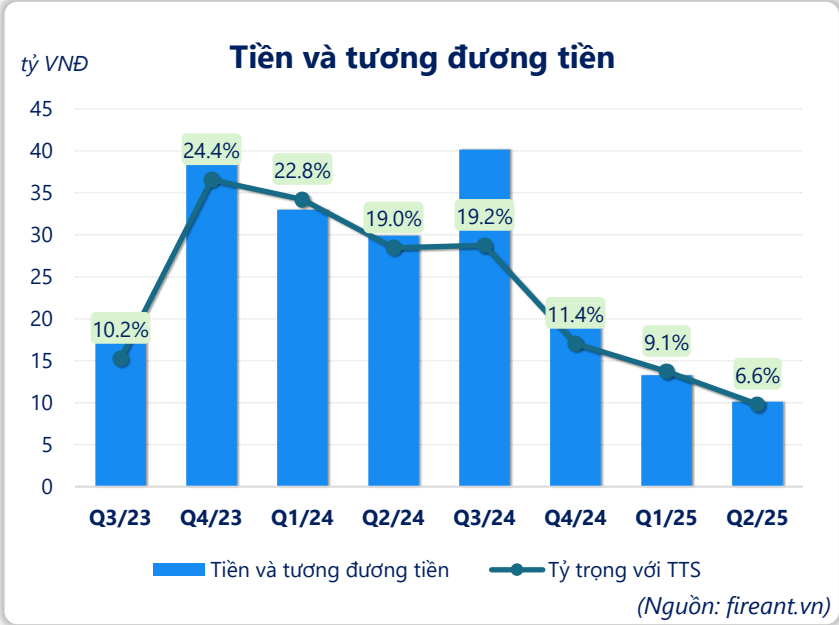
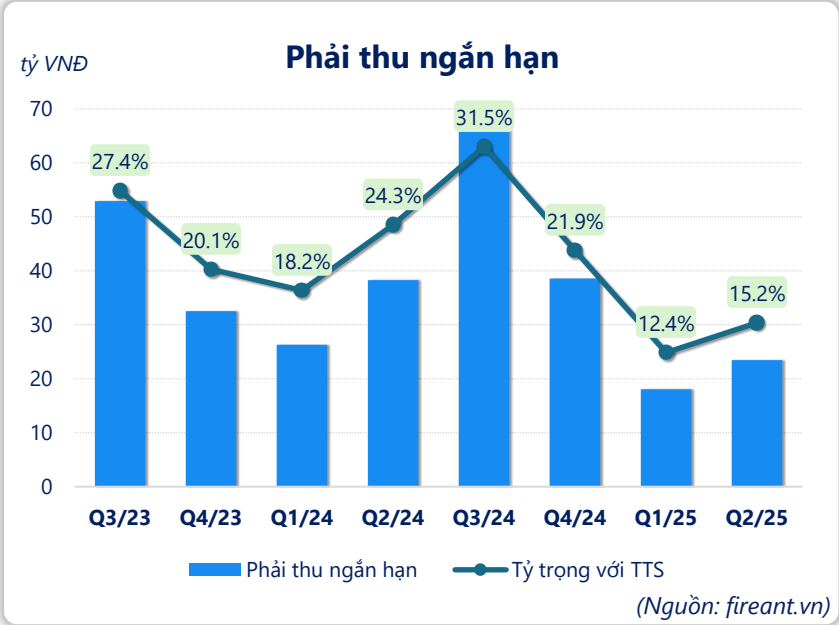
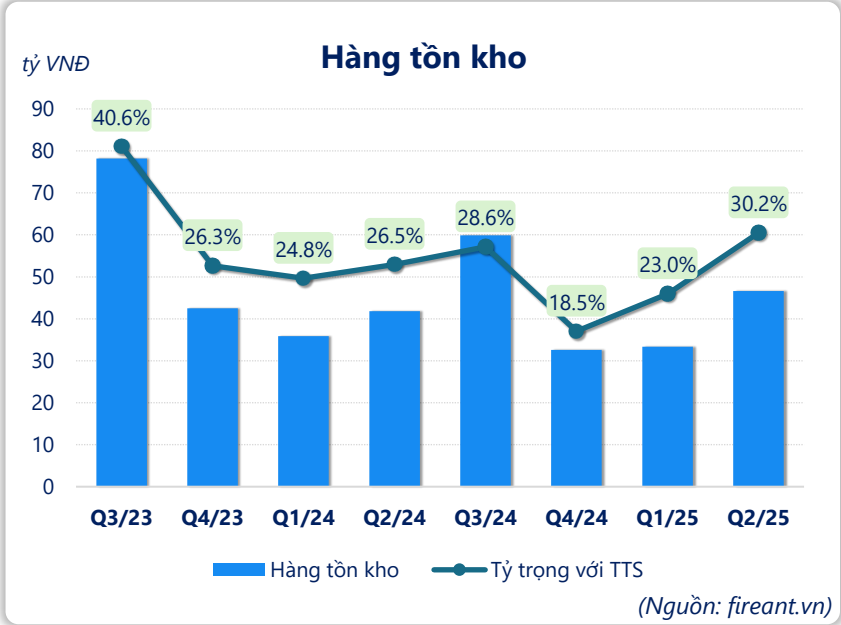
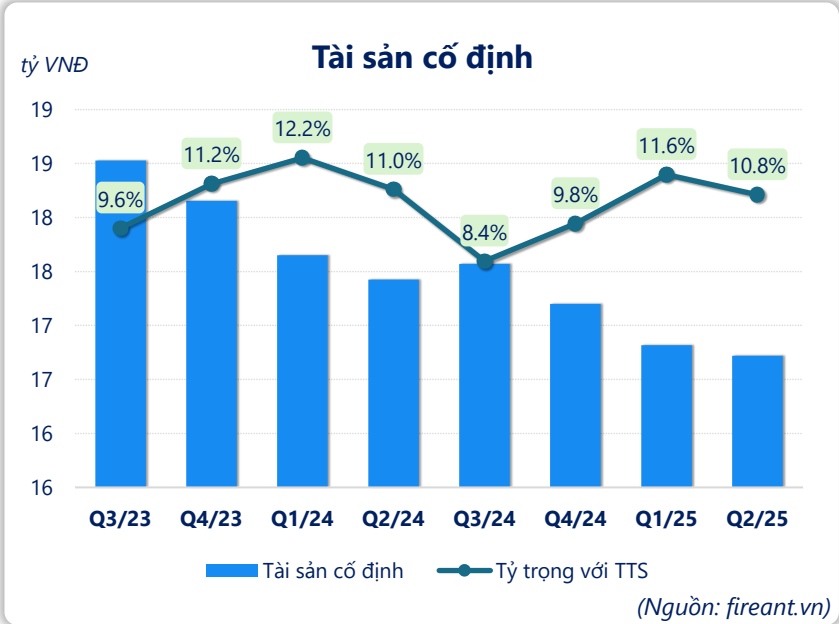
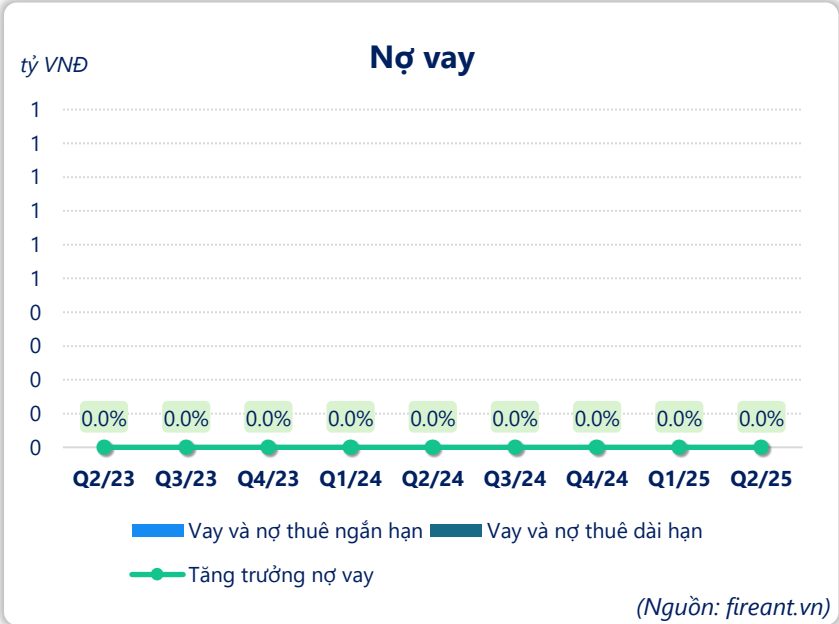
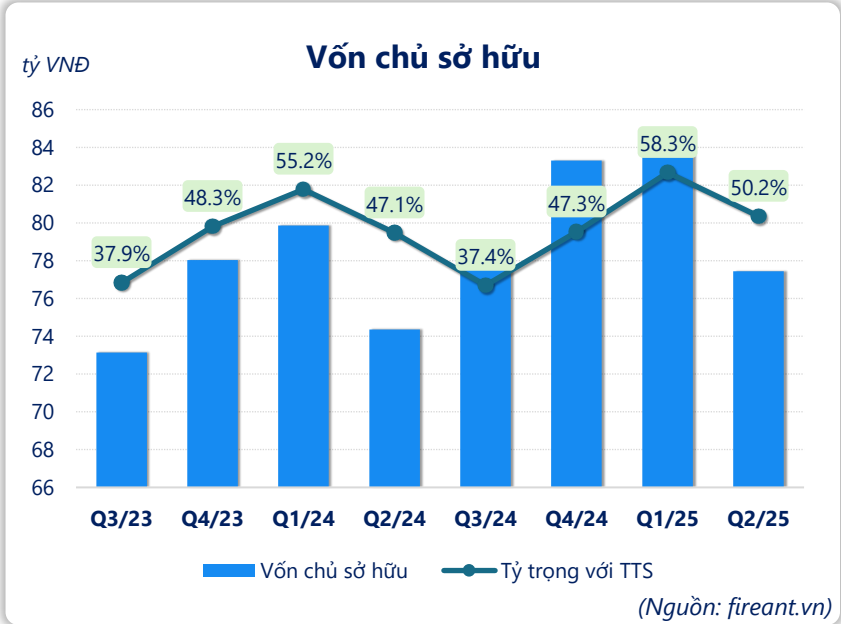
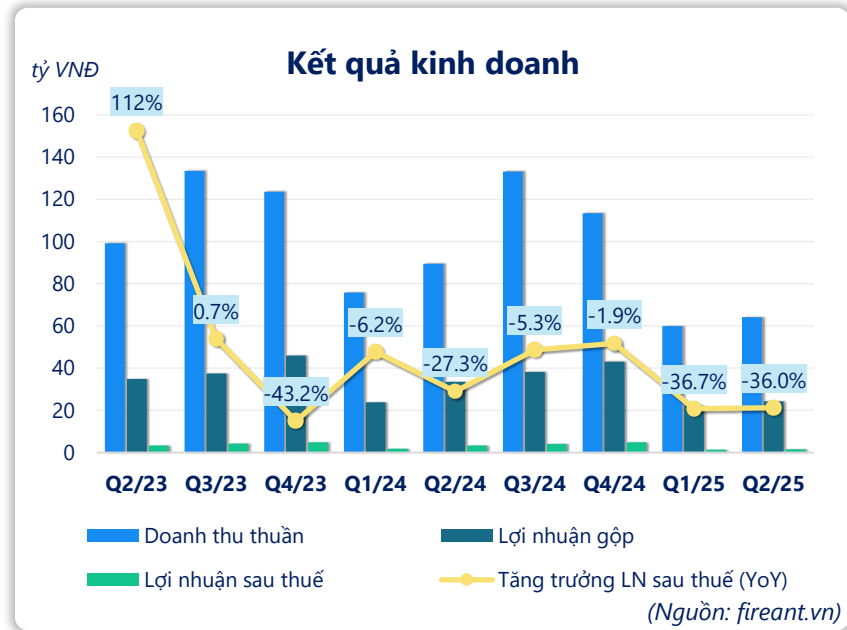
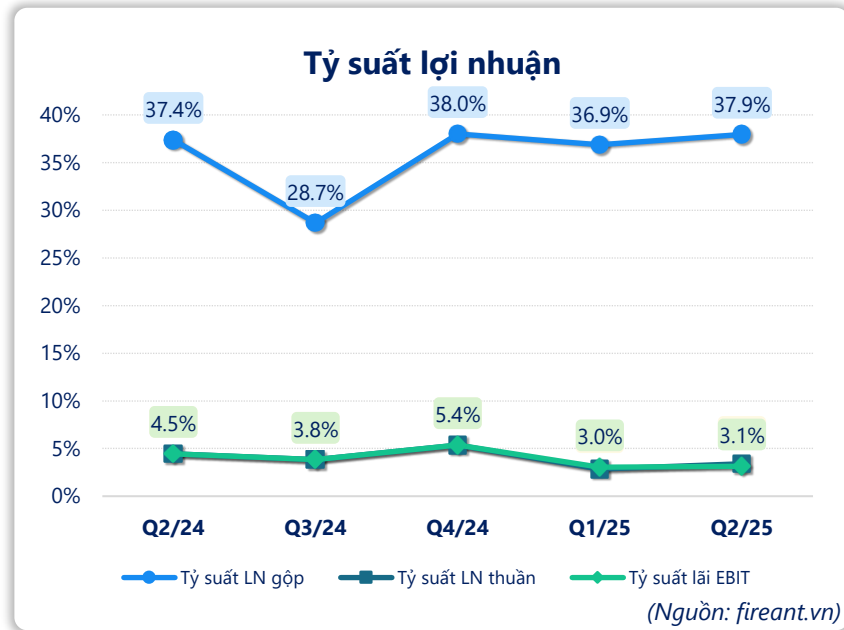
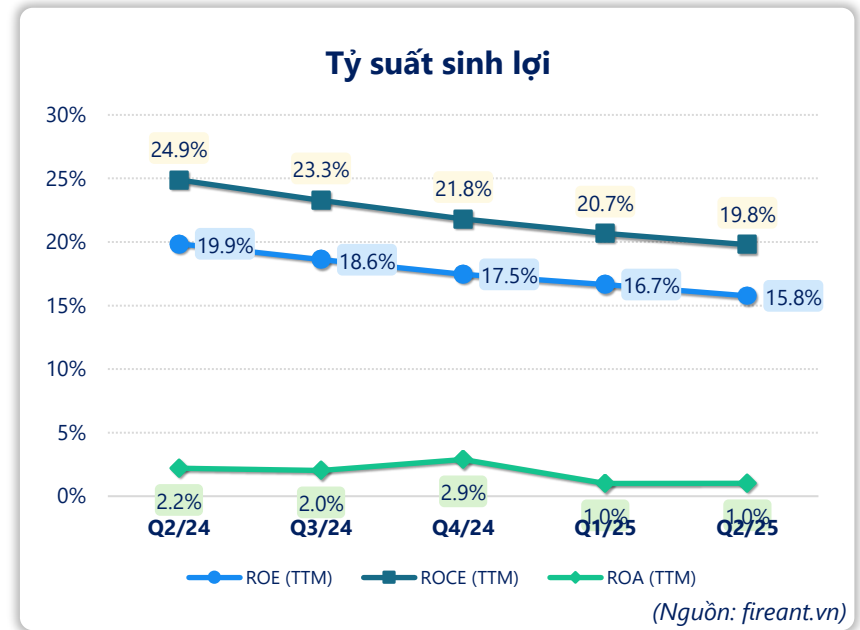
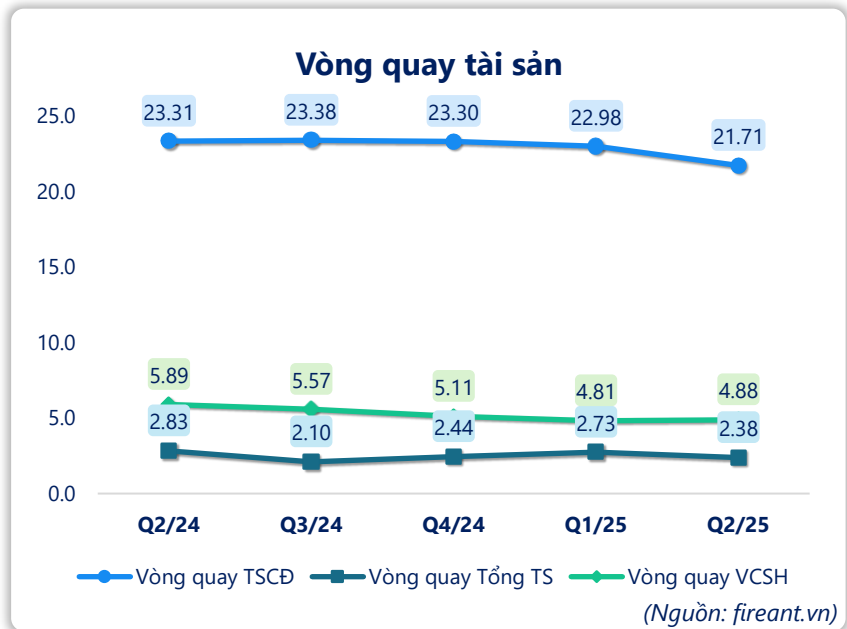
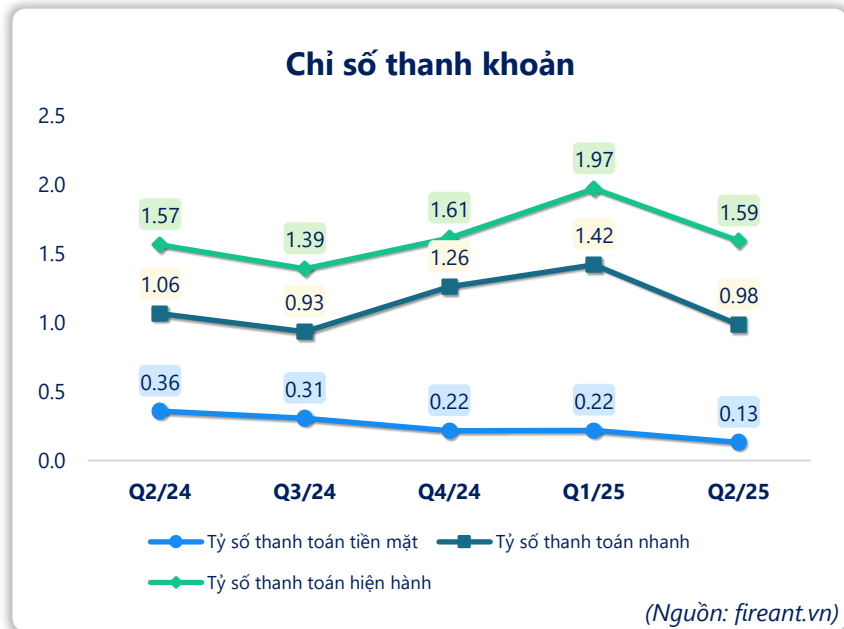
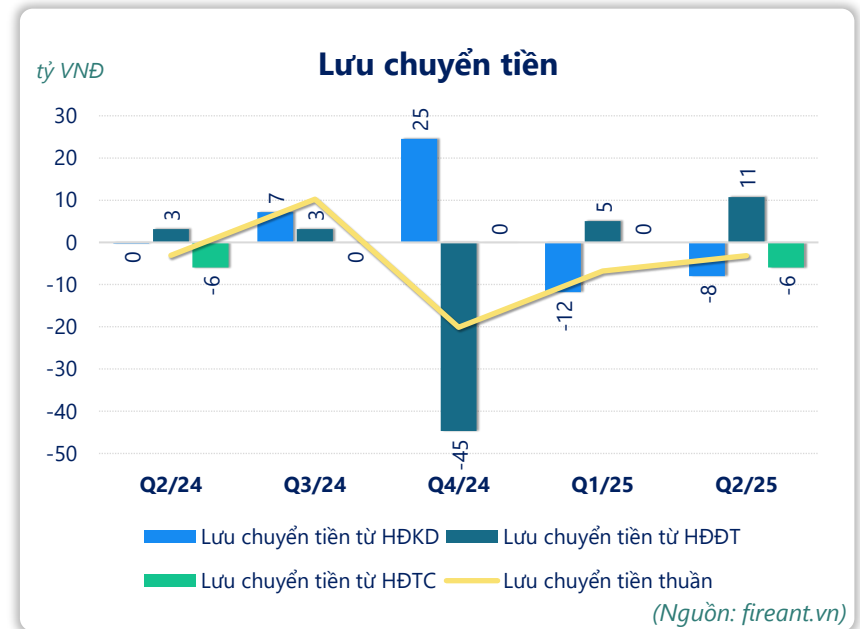


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		19,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		23,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		18,200
SL cổ phiếu LH		3,977,936
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,865
% sở hữu nước ngoài		8.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		77
P/E		6.5
EPS		3,008

	YTD	1T	3T	6T
ADC	-1.0%	-17.8%	-9.3%	-1.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	154	175	-11.8%
Tài sản ngắn hạn	122	148	-17.7%
Tiền và tương đương tiền	10.1	20.0	-49.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	38.4	55.8	-31.0%
Phải thu ngắn hạn	23.4	36.6	-35.9%
Hàng tồn kho	46.6	33.4	39.8%
Tài sản ngắn hạn khác	3.53	2.64	33.7%
Tài sản dài hạn	32.1	26.5	20.9%
Phải thu dài hạn	4.55	4.76	-4.5%
Tài sản cố định	16.7	17.2	-3.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.63	0.27	513%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.18	4.27	115%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	76.8	91.7	-16.3%
Nợ ngắn hạn	76.8	91.7	-16.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	54.5	47.2	15.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	77.4	83.2	-6.9%
Vốn chủ sở hữu	77.4	83.2	-6.9%
Vốn điều lệ	39.8	39.8	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	89.5	133	113	59.9	64.1
Giá vốn hàng bán	56.1	95.0	70.3	37.8	39.8
Lợi nhuận gộp	33.5	38.2	43.1	22.1	24.3
Doanh thu HĐTC	0.59	0.20	0.68	0.37	1.50
Chi phí TC	0	0	0.25	0.10	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	26.0	29.2	31.7	17.6	20.2
Chi phí QLDN	4.04	4.07	5.74	3.08	3.48
LN thuần từ HĐKD	3.99	5.12	6.08	1.71	2.18
Lợi nhuận khác	0.00	-0.02	0.01	0.12	-0.17
LN trước thuế	3.99	5.10	6.09	1.82	2.01
Lợi nhuận sau thuế	3.31	4.07	4.87	1.45	1.57
LNST của CĐ cty mẹ	3.31	4.07	4.87	1.45	1.57

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.29	7.16	24.5	-11.8	-7.96
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	3.15	3.14	-44.7	5.04	10.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.92	-0.06	0.01	0	-5.94
Tiền đầu kỳ	33.0	29.9	40.1	20.0	13.3
Lưu chuyển tiền thuần	-3.06	10.2	-20.1	-6.76	-3.17
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	29.9	40.1	20.0	13.3	10.1

(Nguồn: fireant.vn)